

Số: **716**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy
của các ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1694/QĐ-MĐC ngày 19/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 45 chuyên ngành (16 ngành) đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là danh sách các chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy sau khi rà soát năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS *Bùi Xuân Nam*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO
HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**
(Kèm theo Quyết định số **716**/QĐ-MĐC ngày 05 tháng 6 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ-Địa chất)

TT	Tên ngành	Chuyên ngành
1	Quản trị kinh doanh	1.1. Quản trị kinh doanh
		1.2. Quản trị kinh doanh Dầu khí
		1.3. Quản trị kinh doanh Mỏ
2	Kỹ thuật cơ khí	2.1. Máy và Thiết bị mỏ
		2.2. Máy và Tự động thủy khí
		2.3. Công nghệ chế tạo máy
		2.4. Cơ khí ô tô
3	Kỹ thuật điện, điện tử	3.1. Điện khí hóa
		3.2. Hệ thống điện
		3.3. Điện - Điện tử
4	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4.1. Tự động hóa
5	Kỹ thuật địa chất	5.1. Địa chất
		5.2. Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
		5.3. Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
		5.4. Nguyên liệu khoáng
6	Kỹ thuật Địa vật lý	6.1. Địa vật lý
7	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.1. Trắc địa
		7.2. Trắc địa mỏ và Công trình
		7.3. Địa chính
		7.4. Bản đồ
		7.5. Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
8	Kỹ thuật mỏ	8.1. Khai thác mỏ
9	Công nghệ thông tin	9.1. Tin học Trắc địa
		9.2. Tin học Địa chất
		9.3. Tin học Mỏ
		9.4. Tin học Kinh tế
		9.5. Công nghệ phần mềm
		9.6. Mạng máy tính
		9.7. Khoa học máy tính ứng dụng



10	Kế toán	10.1. Kế toán
		10.2. Kế toán tài chính công
11	Công nghệ kỹ thuật hóa học	11.1. Lọc - Hóa dầu
12	Kỹ thuật dầu khí	12.1. Khoan khai thác
		12.2. Khoan thăm dò - khảo sát
		12.3. Thiết bị Dầu khí
		12.4. Địa chất dầu khí
13	Kỹ thuật tuyển khoáng	13.1. Tuyển khoáng
		13.2. Tuyển - Luyện quặng kim loại
14	Kỹ thuật công trình xây dựng	14.1. Xây dựng công trình ngầm và mỏ
		14.2. Xây dựng công trình ngầm
		14.3. Xây dựng dân dụng và công nghiệp
		14.4. Xây dựng hạ tầng cơ sở
		14.5. Xây dựng công trình mỏ
15	Quản lý đất đai	15.1. Quản lý đất đai
16	Kỹ thuật môi trường	16.1. Địa sinh thái và Công nghệ môi trường
		16.2. Kỹ thuật môi trường



BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
Khoa: Kinh tế & Quản trị kinh doanh

Chuyên ngành			Chương trình Đại học		Ghi chú
			Năm 2016 Tên môn học	Năm 2018 Tên môn học	
I. Ngành Kế toán					
1	Kế toán doanh nghiệp	I.1.1. Kế toán doanh nghiệp công nghiệp	Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp công nghiệp - MHP: 4070443-2TC Kế toán ngân sách nhà nước và kho bạc - MHP: 4070434-3TC Kế toán Hành chính sự nghiệp - MHP: 4070437-3TC	Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp công nghiệp - MPH: 4070443-3TC Kế toán ngân sách nhà nước và kho bạc - MHP: 4070434-4TC Kế toán Hành chính sự nghiệp - MHP: 4070437-4TC	Tổng TC từ 119 lên 120 TC
		I.1.2. Kế toán doanh nghiệp thương mại			
		I.2.1. Kế toán ngân sách nhà nước và kho bạc			
2	Kế toán tài chính công	I.2.2. Kế toán Hành chính sự nghiệp			
II. Ngành Quản trị kinh doanh					
1	Quản trị kinh doanh				Không thay đổi
2	Quản trị kinh doanh dầu khí				Không thay đổi
3	Quản trị kinh doanh mỏ	II.3.1. Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa	Tin học ứng dụng trong kinh tế -MHP: 4070111-2TC		
			Thống kê kinh tế doanh nghiệp - MHP: 4070113-2TC		
			Quản trị chiến lược - MHP: 4070217-2TC		
			Kinh tế môi trường - MHP: 4070305-2TC		
			Quản trị sản xuất - MHP: 4070330 - 2TC		
	Quản trị dự án đầu tư - MHP: 4070331-2TC			Khởi nghiệp kinh doanh - MHP: 4070227-2TC	
		II.3.2. Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường		Văn hóa doanh nghiệp - MHP: 4070336-2TC	

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
Khoa: Cơ - Điện

Chương trình Đại học		Kiến thức	Ghi chú		
Chuyên ngành	Năm 2016				
TT	Năm 2018	Tên môn học			
I. Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động					
1	Tự động hóa	I.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành			
		I.1.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	1. Điều khiển nhúng - MHP: 4090257 - 2 TC		
			2. Đồ án điều khiển nhúng - MHP: 4090258 - 2 TC		
		I.2. Kiến thức chuyển ngành chọn theo Khoa	3. Thiết bị động lực - MHP: 4090503 - 2 TC		
			4. Công nghệ CAD/CAM/CNC - MHP: 4090431 - 2 TC		
			5. Lý thuyết cánh - MHP: 4090434 - 2TC		
II. Ngành Kỹ thuật điện, điện tử	Bỏ 8 học phần	I.3. Kiến thức chuyển ngành chọn theo Trường	6. Lịch sử triết học - MHP: 4020106 - 2 TC		
			7. Cơ sở tuyến khoảng - MHP: 4030422 - 2 TC		
			8. Địa chất đại cương - MHP: 4040101 - 3 TC		
		1	Điện khí hóa	III.1.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	1. Kỹ thuật vi điều khiển - MHP: 4090249 - 3 TC
					2. Hệ thống cung cấp điện - MHP: 4090160 - 2 TC
				III.1.2. Kiến thức chuyển ngành sâu Điện khí hóa xi nghiệp m	3. Lý thuyết điều khiển tự động - MHP: 4090245 - 2TC
	4. Điện khí hóa xi nghiệp - MHP: 4090164 - 2TC				
	5. Thiết bị động lực - MHP: 4090503 - 2 TC				
	6. Công nghệ CAD/CAM/CNC - MHP: 4090431 - 2 TC				
II.1.3. Kiến thức chuyển ngành chọn theo Khoa		7. Lý thuyết cánh - MHP: 4090434 - 2TC			
		8. Máy nâng chuyển - MHP: 4090557 - 2 TC			
		9. Kỹ thuật ma sát - MHP: 4060501 - 3 TC			
		10. Lịch sử triết học - MHP: 402104 - 2TC			
		11. Cơ sở tuyến khoảng - MHP: 4030422 - 2TC			
	II.1.4. Kiến thức chuyển ngành chọn theo Trường				
II.2.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành		1. Hệ thống cung cấp điện 1 - MHP: 4090139 - 2TC			
		2. Lưới điện 1 - MHP: 4090130 - 2TC			
		3. Thiết bị động lực - MHP: 4090503 - 2 TC			
		4. Công nghệ CAD/CAM/CNC - MHP: 4090431 - 2 TC			
	II.2.2. Kiến thức chuyển ngành chọn theo Khoa		5. Lý thuyết cánh - MHP: 4090434 - 2TC		
			6. Máy nâng chuyển - MHP: 4090557 - 2 TC		
		7. Kỹ thuật ma sát - MHP: 4060501 - 3 TC			
II.2.3. Kiến thức chuyển ngành chọn theo Trường			8. Lịch sử triết học - MHP: 402104 - 2TC		
			9. Cơ sở tuyến khoảng - MHP: 4030422 - 2TC		
	3	Điện - Điện tử			
	III. Ngành Kỹ thuật cơ khí				
1	Máy & Tự động thủy khí	III.1.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành			
		III.2.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	Thực tập xưởng cơ khí - MHP: 4090433 - 2TC đối sang mã HP: 4090601		
2	Công nghệ chế tạo máy		Thực tập xưởng cơ khí - MHP: 4090433 - 2TC đối sang mã HP: 4090601		
3	Máy & Thiết bị mô				
4	Cơ khí ô tô				

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
Khoa: Dầu khí

TT	Chuyên ngành	Kiến thức	Chương trình Đại học	Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2018
I. Ngành Kỹ thuật Dầu khí			Tên môn học	Tên môn học
1	Khai thác	I.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương	1. Tin học đại cương - MHP: 4080201 - 3TC	Chuyển sang phần kiến thức GDĐC tự chọn
			2. Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất - MHP: 4040105 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức hỗ trợ chuyên ngành
			3. Hình học họa hình - MHP: 4010401 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức GDĐC bắt buộc
			4. Vẽ kỹ thuật - MHP: 4010402 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức GDĐC bắt buộc
			5. Trắc địa phổ thông - MHP: 4050526 - 2 TC	Bộ học 1 phần (MHP: 4050526)
			6. Thực tập trắc địa phổ thông - MHP: 4050527 - 1 TC	Bộ học 1 phần (MHP: 4050527)
			7. Căn bản địa hóa học + TN - MHP: 4010307 - 3TC	Chuyển sang phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
			8. Nguyên lý máy - MHP: 4090421 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
			9. Nguyên lý phá hủy - MHP: 4060401 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
			10. Tính chất vật lý tầng chứa - MHP: 4060410 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
			11. Thực tập giáo dục khoan - MHP: 4060427 - 2 TC	Chuyển sang phần kiến thức hỗ trợ chuyên ngành
			12. Thiết bị khoan dầu khí 3 - MHP: 4060530 - 3TC	Thay thành môn Thiết bị khoan dầu khí 2-MHP: 4060512 - 2TC
			13. Thủy động lực mô dầu khí - MHP: 4060211 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức hỗ trợ chuyên ngành
			14. Công nghệ khai thác dầu khí - MHP: 4060414 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa
			15. Cơ sở thiết kế máy - MHP: 4090406 - 3 TC	Bộ học 1 phần (MHP: 4090406)
			16. Công nghệ khoan dầu khí - MHP: 4060413 - 2TC	
			17. An toàn lao động & BVMT - MHP: 4060216 - 2TC	
		I.1.3. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	18. MHP: 4060435 - 2TC	
			19. MHP: 4060431 - 2 TC	
			20. MHP: 4060426 - 2TC	
			21. MHP: 4060206 - 2TC	
			22. MHP: 4060523 - 1TC	
			23. MHP: 4060211 - 2TC	
			24. MHP: 4060133 - 3TC	
			25. MHP: 4060132 - 3TC	
			26. MHP: 4060123 - 2TC	
			27. MHP: 4060410 - 2TC	
			28. MHP: 4060403 - 2TC	
			29. MHP: 4010412 - 2TC	
			30. MHP: 4010413 - 2TC	
			31. MHP: 4010414 - 2TC	
			32. MHP: 4060419 - 2TC	
			33. MHP: 4060435 - 2TC	
		I.1.4. Kiến thức giáo dục chuyên ngành chọn theo trường	34. MHP: 4060509 - 4TC	
			35. MHP: 4060513 - 2TC	
			36. MHP: 4060512 - 2TC	
			37. MHP: 4010406 - 3TC	
			1. MHP: 4010605 - 2TC	
			2. MHP: 4010606 - 2TC	
			3. MHP: 4010607 - 2TC\	
			4. MHP: 4010608 - 2TC	
			5. MHP: 4060142 - 2 TC	
			6. MHP: 4060402 - 2TC	
			7. MHP: 4110130 - 2TC	
			1. Tin học đại cương - MHP: 4080201 - 3TC	Chuyển sang phần kiến thức GDĐC tự chọn
			2. Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất - MHP: 4040105 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức hỗ trợ chuyên ngành
			3. Hình học họa hình - MHP: 4010401 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức GDĐC bắt buộc
			4. Vẽ kỹ thuật - MHP: 4010402 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức GDĐC bắt buộc
			5. Trắc địa phổ thông - MHP: 4050526 - 2 TC	Bộ học 1 phần (MHP: 4050526)
			6. Thực tập trắc địa phổ thông - MHP: 4050527 - 1 TC	Bộ học 1 phần (MHP: 4050527)
		I.2.1. Kiến thức giáo dục đại	7. Căn bản địa hóa học + TN - MHP: 4010307 - 3TC	Chuyển sang phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
			8. Nguyên lý máy - MHP: 4090421 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
			9. Nguyên lý phá hủy - MHP: 4060401 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
			10. Công nghệ khoan dầu khí - MHP: 4060413 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa
			11. Công nghệ khai thác dầu khí - MHP: 4060414 - 2TC	Chuyển sang phần kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa
			12. Thực tập giáo dục khoan - MHP: 4060427 - 2 TC	Chuyển sang phần kiến thức hỗ trợ chuyên ngành
			13. Cơ sở thiết kế máy - MHP: 4090406 - 3 TC	Bộ học 1 phần (MHP: 4090406)
			14. Xử lý và cấp nước + BTL - MHP: 4060425 - 3TC	Bộ học 1 phần (MHP: 4060425)

2	Khoan thăm dò khảo sát	I.2.4. Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	15. Địa chất thủy văn Việt Nam - MHP: 4040612 - 2TC 16. Phục tạp và sử cõ trong khoan - MHP: 4060418 - 2TC 17. Phần tích bề trầm tích - MHP: 4060202 - 2TC 18. An toàn lao động & BVM - MHP: 4060216 - 2TC 19. Địa hóa dầu khí - MHP: 4060205 - 3TC 20. Địa chất dầu khí VN & Thế giới - MHP: 4060133- 3TC 21. Tiếng anh chuyên ngành Địa vật lý - MHP: 4060133- 3TC 22. Tin học ứng dụng ĐVL - MHP: 4060132 - 3TC 23. Địa vật lý giếng khoan dầu khí - MHP: 4060123 - 2TC 24. MHP: 4060423 - 2TC 25. MHP: 4060430 - 2TC 26. MHP: 4060426 - 2TC 27. MHP: 4060338 - 2 TC 28. MHP: 4060339 - 2TC 29. MHP: 4010406 - 3TC 30. MHP: 4010203 - 2TC 31. MHP: 4010605 - 2TC 32. MHP: 4010606 - 2TC 33. MHP: 4010607 - 2TC 34. MHP: 4010608 - 2TC 35. MHP: 4040517 - 3TC 36. MHP: 4050203 - 3TC 37. MHP: 4050510- 3TC 38. MHP: 4060101 - 3TC 39. MHP: 4060402 - 2TC	Bộ học I phần (MHP: 4040612) Chuyển sang phần kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	Bộ hướng chuyên sâu
			Bộ 23 học phần		
	I.3.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	I.3.2. Kiến thức chuyên ngành	1. Kỹ thuật nhiệt A - MHP: 4090414 - 3TC 2. Kỹ thuật điện - điện tử + TN - MHP: 4090303 -4TC 3. Thiết bị động lực - MHP: 4090503 - 2TC 1. Kỹ thuật đo - MHP: 4090404 - 3TC 2. Máy thủy lực và máy nén khí - MHP: 4090541 - 3TC 3. Công nghệ sửa chữa máy - MHP: 4090510 - 3TC 4. Truyền động thủy khí - MHP: 4090514 - 2TC 5. Đồ án Thiết bị khoan Dầu khí 1 - MHP: 4060520 - 1TC 6. Đồ án Thiết bị khai thác Dầu khí 1 - MHP: 4060522 - 1TC 7. Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu - MHP: 4060412 - 2TC 1. MHP: 4060513 - 2TC 2. MHP: 4060512 - 2TC 3. MHP: 4060525 - 2TC 4. MHP: 4060526 - 2TC 5. MHP: 4060527 - 2TC 6. MHP: 4060528 - 2TC 7. MHP: 4060529 - 2TC 8. MHP: 4060530 - 2TC 9. MHP: 4060531 - 2TC 10. MHP: 4060532 - 2TC 11. MHP: 4060217 - 2TC 12. MHP: 4060413 - 2TC 13. MHP: 4060414 - 2TC 14. MHP: 4060403 - 2TC 15. Kỹ thuật ma sát - MHP: 4060501 - 3TC	Bộ học I phần (MHP: 4090503) Bộ 7 học phần	Bộ hướng chuyên sâu
			Bộ 14 học phần		
3	Thiết bị dầu khí	I.3.3. Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa		Chuyển sang kiến thức cơ sở ngành bắt buộc Bộ sung: 1. Công trình dầu khí đại cương - MHP: 4060528 - 2TC 2. Kỹ thuật an toàn trên các công trình dầu khí	
			Bộ 5 học phần		
4	Địa chất dầu khí	I.3.4. Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường			Không thay đổi

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018

Khoa: Mỏ

TT	Chuyên ngành	Kiến thức	Chương trình Đại học		Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2018	
I. Ngành Kỹ thuật tuyển khoáng					
1	Tuyển khoáng	I.1.1. Kiến thức chuyên sâu Tuyển than	Tên môn học	Tên môn học	Thay thành môn Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng-MHP: 4030414- 2TC Thay thành môn Quản lý chất lượng sản phẩm MHP: 4030420 - 2TC
		I.1.2. Kiến thức chuyển ngành chọn theo Khoa			
2	Tuyển - Luyện quặng kim loại				Không thay đổi
II. Ngành Kỹ thuật mỏ					
1	Khai thác mỏ				Không thay đổi

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
Khoa: Khoa học và Kỹ thuật Địa chất

TT	Chuyên ngành	Kiến thức	Chương trình Đại học		Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2018	
I. Ngành Kỹ thuật Địa chất			Tên môn học		
1	Địa chất				Không thay đổi
2	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	I.2.1. Kiến thức chuyên ngành (Hướng chuyên sâu về Địa kỹ thuật - Công trình)	1. Tin học ứng dụng trong ĐCCT - MHP: 4040509-2TC	Chuyển sang học kỳ 7 hướng chuyên sâu Địa kỹ thuật công trình	
				Bổ sung: 1. Nền và móng - MHP: 4040504 - 2TC (Học kỳ 8 hướng chuyên sâu Địa kỹ thuật công trình)	
				2. Địa chất động lực công trình - MHP: 4040506 - 3TC (Học kỳ 8 hướng chuyên sâu Địa kỹ thuật công trình)	
			3. Hồ móng sâu và các giải pháp ổn định - MHP: 4040526 - 2TC (Học kỳ 8 hướng chuyên sâu Địa kỹ thuật công trình)		
3	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình				Không thay đổi
4	Nguyên liệu khoáng				Không thay đổi

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
Khoa : Xây dựng

TT	Chuyên ngành	Kiến thức	Chương trình Đại học		Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2018	
I. Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng					
1	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	I.1.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	1. PP tính toán kết cấu chống giữ CTN - MHP: 4100120-2TC	Thay thành môn PP tính toán kết cấu chống giữ CTN + BTL-MHP: 4100120-3TC	
				Bổ sung: 1. Đồ án xây dựng giếng đứng - MHP: 4100152-1TC	
2	Xây dựng công trình ngầm	I.2.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	1. PP tính toán kết cấu chống giữ CTN dân dụng và CN-MHP: 4100115-2TC	Thay thành môn PP tính toán kết cấu chống giữ CTN dân dụng và CN-MHP: 4100115-3TC	
3	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	I.3.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	1. Trắc địa phổ thông - MHP: 4050526 - 2TC	Thay thành môn Cơ sở Trắc địa công trình + BTL - MHP: 4050101 - 3TC	
				Bổ sung: 1. Đồ án cơ học đất - nền móng - MHP: 4040503 - 1TC	
4	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	I.4.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	1. Vẽ kỹ thuật - MHP: 4010402 - 2TC	Thay thành môn Vẽ kỹ thuật xây dựng - MHP: 4010402-2TC	
		I.4.2. Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa		Bổ sung: 1. An toàn lao động trong xây dựng - MHP: 4100326 - 2TC	
5	Xây dựng công trình mỏ	I.5.1. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	1. PP tính toán kết cấu chống giữ CTN - MHP: 4100120-2TC	Thay thành môn PP tính toán kết cấu chống giữ CTN + BTL-MHP: 4100120-3TC	
				Bổ sung: 1. Đồ án xây dựng giếng đứng - MHP: 4100152-1TC	

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
Khoa: Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai

TT	Chuyên ngành	Kiến thức	Chương trình Đại học		Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2018	
			Tên môn học	Tên môn học	
I. Ngành Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ					
1	Trắc địa				Không thay đổi
2	Trắc địa mỏ và Công trình				Không thay đổi
3	Địa chính	I.3.1. Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	1. Định vị vệ tinh (GPS)-B - MHP: 4050211-2TC	Chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050211	
			2. TT Trắc địa cao cấp B - MHP: 4050215 - 2TC	Chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050215	
			3. Hệ thống thông tin đất đai 2 - MHP: 4050623 - 2TC	Chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050623	
			4. Đo đạc địa chính 2 - MHP: 4050622 - 2TC	Chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050622	
			5. TT đo đạc địa chính 2 - MHP: 4050624 - 2TC	Chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050624	
			6. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính - MHP: 4050613 - 2TC	Bò 6 học phần	Trùng với tự chọn A và HP bắt buộc
			7. Xác suất thống kê - MHP: 4010105 - 2TC		
			8. Phương pháp tính - MHP: 4010106 - 2TC		
			9. Logic đại cương - MHP: 4010109-2TC		
			10. Toán tối ưu - MHP: 4010110-2TC		
			11. Toán rời rạc - MHP: 4010111-2TC		
				Bổ sung: 1. Thuế bất động sản - MHP: 4050645 - 2TC	
				2. Giao đất, thu hồi đất - MHP: 4050646 - 2TC	
				3. Quy hoạch và phát triển nông thôn - MHP: 4050647 - 2TC	
				4. Bồi thường giải phóng mặt bằng -MHP: 4050648 - 2TC	
				5. Địa tin học trong quản lý đất đai và môi trường - MHP: 4050530-2TC	
		I.3.2. Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường	1. Định vị vệ tinh (GPS)-A- MHP: 4050203 - 3TC	Bò 2 học phần	Trùng với HP bắt buộc
			2. Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS) - MHP: 4050301 - 3TC		
			3. Cơ sở viễn thám - MHP: 4050302 - 2TC		
4	Bản đồ			Bổ sung: 1. Kỹ thuật điện + TN - MHP: 4090301 - 3TC	
				2. Cơ sở sinh vật học - MHP: 4040825 - 2TC	
				3. Quy hoạch vùng - MHP: 4050649 - 3TC	
				4. Phương pháp lập dự án đầu tư - MHP: 4050650 - 2TC	
				5. Quản lý đất đô thị - MHP: 4050653 - 2TC	
5	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý				Không thay đổi

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018

Khoa: Công nghệ thông tin

TT	Chuyên ngành	Kiến thức	Chương trình Đại học		Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2018	
			Tên môn học	Tên môn học	
I. Ngành Công nghệ thông tin					
1	Tin học Trắc địa				Không thay đổi
2	Tin học Địa chất				Không thay đổi
3	Tin học Mỏ				Không thay đổi
4	Tin học Kinh tế				Không thay đổi
5	Công nghệ phần mềm				Không thay đổi
6	Mạng máy tính				Không thay đổi
7	Khoa học máy tính ứng dụng				Không thay đổi